BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11/2012/TT-BTTTT	*Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2012*

THÔNG TƯ
Quy định Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông; Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 187/2007/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu tại Phụ lục số 01 kèm theo (sau đây gọi tắt là Danh mục cấm nhập khẩu);

b) Quy định áp dụng đối với Danh mục cấm nhập khẩu.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ sửa chữa, làm mới, sản xuất làm mới sản phẩm công nghệ thông tin là một hoặc một số hoạt động sau: thay thế linh kiện, lắp ráp, sửa chữa, phục hồi, nâng cấp chức năng, làm mới các máy móc, thiết bị công nghệ thông tin đã qua sử dụng.

2. Sản phẩm công nghệ thông tin được tân trang, làm mới, sản xuất làm mới là sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng được sửa chữa, thay thế linh kiện, phục hồi chức năng và hình thức tương đương với sản phẩm mới cùng chủng loại.

Chương II
QUY ĐỊNH ÁP DỤNG DANH MỤC CẤM NHẬP KHẨU

Điều 3. Các quy định áp dụng Danh mục cấm nhập khẩu

1. Danh mục được lập dựa trên cơ sở Danh mục hàng hóa và Mã số H.S trong Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

Danh mục chỉ cấm nhập khẩu những hàng hóa có mã số H.S 8 số. Những mã H.S 4 số và 6 số trong Danh mục cấm nhập khẩu chỉ có tác dụng làm rõ nội dung thông tin về chủng loại hàng hóa được quy định cấm bởi mã HS 8 số.

2. Linh kiện, phụ tùng, cụm linh kiện, phụ kiện đã qua sử dụng của các loại sản phẩm thuộc Danh mục cấm nhập khẩu cũng bị cấm nhập khẩu.

3. Danh mục này được xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình phát triển của công nghệ thông tin và các quy định khác của pháp luật.

4. Sản phẩm được tân trang, làm mới phải có dấu hiệu, nhãn hiệu bằng tiếng Việt (tân trang, tái sản xuất, làm mới, tái sử dụng) hoặc bằng tiếng Anh (refurbished, remanufactured, renew, recycled, reused) trên bao bì.

5. Trường hợp nhập khẩu theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này, phải tuân thủ các quy định sau:

a) Toàn bộ sản phẩm sau quá trình sửa chữa, làm mới hoặc sản xuất làm mới phải tái xuất. Phế liệu, phế thải phát sinh trong quá trình sản xuất phải được xử lý theo quy định của pháp luật về môi trường hoặc tái xuất cùng sản phẩm;

b) Định kỳ hàng năm, tổ chức, cá nhân báo cáo số lượng hàng nhập khẩu, tái xuất, tồn kho (theo mẫu tại Phụ lục số 02 của Thông tư này) và bản sao Tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu về Bộ Thông tin và Truyền thông;

c) Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trong quá trình thực hiện.

6. Trường hợp nhập khẩu theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Thông tư này phải tuân thủ các quy định sau:

a) Định kỳ hàng năm, tổ chức, cá nhân báo cáo số lượng hàng nhập khẩu, xuất khẩu, phân phối trong nước, tồn kho (theo mẫu tại Phụ lục số 03 của Thông tư này) và bản sao Tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu về Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trong quá trình thực hiện.

Điều 4. Các trường hợp không áp dụng Danh mục cấm nhập khẩu

1. Nhập khẩu để làm dịch vụ sửa chữa, làm mới hoặc sản xuất làm mới và tái xuất khẩu sản phẩm sau quá trình sản xuất.

2. Nhập khẩu để làm phương tiện sản xuất trực tiếp hoặc làm mẫu phục vụ hoạt động thiết kế, nghiên cứu - phát triển (R&D).

3. Tái nhập khẩu sau khi đưa ra nước ngoài để bảo hành, bảo trì hoặc sửa chữa, làm mới.

4. Nhập khẩu theo hình thức di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một cơ quan, tổ chức.

5. Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dụng, với tính năng đặc biệt phục vụ cho các chuyên ngành cụ thể như đo lường, tự động hóa, trang thiết bị y tế, sinh học và các ngành khác, có thời hạn kể từ ngày sản xuất đến ngày mở Tờ khai Hải quan không quá 03 năm.

6. Nhập khẩu để làm phương tiện sản xuất, điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất.

7. Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã được tân trang, làm mới, sản xuất làm mới để phục vụ sản xuất thuộc dự án cụ thể, khi thực hiện dự án mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội hoặc phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng.

8. Nhập khẩu hộp mực in đã qua sử dụng, sau khi sửa chữa, làm mới hoặc sản xuất làm mới để cung cấp, phân phối tại thị trường trong nước hoặc tái xuất.

9. Nhập khẩu phục vụ cho các mục đích đặc biệt khác thì thực hiện theo hướng dẫn đối với từng trường hợp cụ thể của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 43/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn trước đây của Bộ Thông tin và Truyền thông trái với Thông tư này.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định trong hoạt động nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật về vi phạm trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ảnh về Bộ Thông tin và Truyền thông để kịp thời giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Bắc Son

Phụ lục số 01

DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG CẤM NHẬP KHẨU (*)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BTTTT ngày 17/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8443	**Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), trục lăn và các bộ phận in của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng (loại trừ các máy in, máy copy có tốc độ in hoặc copy từ 35 bản/phút trở lên)**
	- Máy in khác, máy copy và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau:
8443.31	- - Máy kết hợp hai hoặc nhiều chức năng in, copy hoặc fax, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng:
8443.31.10	- - - Máy in-copy, in bằng công nghệ in phun
8443.31.20	- - - Máy in-copy, in bằng công nghệ laser
8443.31.30	- - - Máy in-copy-fax kết hợp
8443.32	- - Loại khác, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng:
8443.32.10	- - - Máy in kim
8443.32.20	- - - Máy in phun
8443.32.30	- - - Máy in laser
8443.32.40	- - - Máy fax
8443.32.90	- - - Loại khác
8443.39	- - Loại khác:
8443.39.40	- - - Máy in phun
	- Bộ phận và phụ kiện:
8443.99	- - Loại khác:
8443.99.20	- - - Hộp mực in đã có mực in
8469	**Máy chữ trừ các loại máy in thuộc nhóm 84.43; máy xử lý văn bản**

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8469.00.10	- Máy xử lý văn bản
8469.00.90	- Loại khác
8470	**Máy tính và các máy ghi, sao và hiển thị dữ liệu loại bỏ túi có chức năng tính toán; máy kế toán; máy đóng dấu miễn cước bưu phí, máy bán vé và các loại máy tương tự, có gắn bộ phận tính toán; máy tính tiền**
8470.10.00	- Máy tính điện tử có thể hoạt động không cần nguồn điện ngoài và máy ghi, sao và hiển thị dữ liệu, loại bỏ túi có chức năng tính toán
	- Máy tính điện tử khác:
8470.21.00	- - Có gắn bộ phận in
8470.30.00	- Máy tính khác
84.71	**Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hay đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác**
8471.30	- Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình:
8471.30.10	- - Máy tính nhỏ cầm tay bao gồm máy tính mini và sổ ghi chép điện tử kết hợp máy tính (PDAs)
8471.30.20	- - Máy tính xách tay, kể cả notebook, subnotebook, tablet PC
8471.30.90	- - Loại khác:
	- Máy xử lý dữ liệu tự động khác:
8471.41	- - Chứa trong cùng một vỏ, có ít nhất một đơn vị xử lý trung tâm, một đơn vị nhập và một đơn vị xuất, kết hợp hoặc không kết hợp với nhau:
8471.41.10	- - - Máy tính cá nhân trừ máy tính xách tay của phân nhóm 8471.30
8471.41.90	- - - Loại khác:
8471.49	- - Loại khác, ở dạng hệ thống:
8471.49.10	- - - Máy tính cá nhân trừ máy tính bỏ túi của phân nhóm 8471.30
8471.49.90	- - - Loại khác:
8471.50	- Bộ xử lý trừ loại của phân nhóm 8471.41 hoặc 8471.49, có hoặc không chứa trong cùng vỏ một hoặc hai thiết bị sau: bộ lưu trữ, bộ nhập, bộ xuất:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8471.50.10	- - Bộ xử lý dùng cho máy tính cá nhân (kể cả loại máy tính xách tay)
8471.50.90	- - Loại khác:
8471.60	- Bộ nhập hoặc bộ xuất, có hoặc không chứa bộ lưu trữ trong cùng một vỏ:
8471.60.30	- - Bàn phím máy tính
8471.60.40	- - Thiết bị nhập theo tọa độ X-Y, bao gồm chuột, bút quang, cần điều khiển, bi xoay, và màn hình cảm ứng
8471.70	- Bộ lưu trữ:
8471.70.10	- - Ổ đĩa mềm
8471.70.20	- - Ổ đĩa cứng
8471.70.30	- - Ổ băng
8471.70.40	- - Ổ đĩa quang, kể cả ổ CD-ROM, ổ DVD và ổ CD có thể ghi được (CD-R)
8471.80	- Các bộ khác của máy xử lý dữ liệu tự động:
8471.80.10	- - Bộ điều khiển và bộ thích ứng
8471.80.70	- - Card âm thanh hoặc card hình ảnh
8471.90	- Loại khác:
8471.90.20	- - Máy đọc ký tự quang học, máy quét ảnh hoặc tài liệu
84.73	**Bộ phận và phụ kiện (trừ vỏ, hộp đựng và các loại tương tự) chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.69 đến 84.72**
8473.10	- Bộ phận và phụ kiện của máy thuộc nhóm 84.69:
8473.10.10	- - Tấm mạch in đã lắp ráp dùng cho máy xử lý văn bản
8473.10.90	- - Loại khác
	- Bộ phận và phụ tùng của máy thuộc nhóm 84.70:
8473.21.00	- - Của máy tính điện tử thuộc phân nhóm 8470.10.00, 8470.21.00 hoặc 8470.29.00
8473.29.00	- - Loại khác
8473.30	- Bộ phận và phụ tùng của máy thuộc nhóm 84.71:
8473.30.10	- - Tấm mạch in đã lắp ráp
8473.30.90	- - Loại khác

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8473.40	- Bộ phận và phụ tùng của máy thuộc nhóm 84.72:
	- - Dùng cho máy hoạt động bằng điện:
8473.40.11	- - - Bộ phận, kể cả tấm mạch in đã lắp ráp sử dụng cho máy thanh toán tiền tự động
8473.40.19	- - - Loại khác
8473.40.20	- - Dùng cho máy hoạt động không bằng điện
8473.50	- Bộ phận và phụ kiện thích hợp dùng cho máy thuộc hai hay nhiều nhóm của các nhóm từ 84.69 đến 84.72:
	- - Dùng cho máy hoạt động bằng điện:
8473.50.11	- - - Thích hợp dùng cho máy thuộc nhóm 84.71
8473.50.19	- - - Loại khác
8473.50.20	- - Dùng cho máy hoạt động không bằng điện
85.17	**Bộ điện thoại, kể cả điện thoại di động (telephones for cellular networks) hoặc điện thoại dùng cho mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền và nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác kể cả các thiết bị viễn thông nối mạng hữu tuyến hoặc không dây (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng), trừ loại thiết bị truyền và thu của nhóm 84.43, 85.25, 85.27 hoặc 85.28**
	- Bộ điện thoại, kể cả điện thoại di động (telephones for cellular networks) hoặc điện thoại dùng cho mạng không dây khác:
8517.11.00	- - Bộ điện thoại hữu tuyến với điện thoại cầm tay không dây
8517.12.00	- - Điện thoại di động (telephones for cellular networks) hoặc điện thoại dùng cho mạng không dây khác
	- Thiết bị khác để phát hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu, kể cả thiết bị thông tin hữu tuyến hoặc vô tuyến (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng):
8517.61.00	- - Trạm thu phát gốc
8517.62	- - Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, bao gồm thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến:
	- - - Bộ phận của máy xử lý dữ liệu tự động, trừ loại của nhóm 84.71:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8517.62.21	- - - - Bộ điều khiển và bộ thích ứng (adaptor), kể cả cổng nối, cầu nối và bộ định tuyến
8517.62.30	- - - Thiết bị chuyển mạch điện báo hay điện thoại
	- - - Thiết bị dùng cho hệ thống hữu tuyến sóng mang hoặc hệ thống hữu tuyến kỹ thuật số:
8517.62.41	- - - - Bộ điều biến/giải biến (modem) kể cả loại sử dụng cáp nối và dạng thẻ cắm
8517.62.42	- - - - Bộ tập trung hoặc bộ dồn kênh
	- - - Thiết bị truyền dẫn khác kết hợp với thiết bị thu:
8517.62.51	- - - - Thiết bị mạng nội bộ không dây
8517.62.53	- - - - Thiết bị phát dùng cho điện báo hay điện thoại truyền dẫn dưới dạng sóng khác
	- - - Thiết bị truyền dẫn khác:
8517.62.61	- - - - Dùng cho điện báo hay điện thoại
8517.69.00	- - Loại khác:
85.18	**Micro và giá đỡ micro; loa đã hoặc chưa lắp ráp vào trong vỏ loa; tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung choàng đầu, có hoặc không ghép nối với một micro, và các bộ gồm có một micro và một hoặc nhiều loa; thiết bị điện khuyếch đại âm tần; bộ tăng âm điện**
8518.10	- Micro và giá micro:
	- - Micro:
8518.10.11	- - - Micro có dải tần số từ 300 Hz đến 3.400 Hz, với đường kính không quá 10 mm và cao không quá 3 mm, dùng trong viễn thông
8518.10.19	- - - Micro loại khác, đã hoặc chưa lắp ráp cùng với giá micro
8518.10.90	- - Loại khác
	- Loa, đã hoặc chưa lắp vào hộp loa:
8518.21	- - Loa đơn, đã lắp vào hộp loa
8518.21.10	- - - Loa thùng
8518.21.90	- - - Loại khác
8518.22	- - Bộ loa, đã lắp vào cùng một thùng loa

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8518.22.10	- - - Loa thùng
8518.22.90	- - -Loại khác
8518.29	- - Loại khác:
8518.29.20	- - - Loa, không có hộp, có dải tần số 300 Hz đến 3.400 Hz, với đường kính không quá 50 mm, sử dụng trong viễn thông
8518.29.90	- - - Loại khác
8518.30	- Tai nghe có khung choàng đầu và tai nghe không có khung choàng đầu, có hoặc không nối với một micro, và các bộ gồm một micro và một hoặc nhiều loa:
8518.30.10	- - Tai nghe có khung choàng đầu
8518.30.20	- - Tai nghe không có khung choàng đầu
	- - Bộ micro/loa kết hợp:
8518.30.40	- - Bộ tổ hợp (nghe - nói) của điện thoại hữu tuyến cầm tay
8518.30.90	- - Loại khác
8518.40	- Thiết bị điện khuếch đại âm tần:
8518.40.10	- - Loại khác, có từ 6 đường tín hiệu vào trở lên, có hoặc không kết hợp với phần tử dùng cho khuếch đại công suất
8518.40.20	- - Sử dụng như bộ lặp (nhắc lại) trong điện thoại hữu tuyến
8518.40.30	- - Sử dụng như bộ lặp (nhắc lại) trong điện thoại trừ loại điện thoại hữu tuyến
8518.40.90	- - Loại khác
8518.50	- Bộ tăng âm điện
8518.50.10	- - Có dải công suất từ 240W trở lên
8518.50.20	- - Loại khác, có loa phóng thanh, loại thích hợp cho phát sóng, có giải điện áp 50 V hoặc hơn nhưng không quá 100 V
8518.50.90	- - Loại khác
8518.90	- Bộ phận:
8518.90.10	- - Của hàng hóa thuộc phân nhóm 8518.10.11, 8518.29.20, 8518.30.40 hoặc 8518.40.20, kể cả tấm mạch in đã lắp ráp
8518.90.20	- - Của hàng hóa thuộc phân nhóm 8518.40.40

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8518.90.90	- - Loại khác
8525	**Thiết bị phát dùng cho phát thanh vô tuyến hoặc truyền hình, có hoặc không gắn máy thu hoặc máy ghi hoặc tái tạo âm thanh; camera truyền hình, camera số và camera ghi hình ảnh nền**
8525.50.00	- Thiết bị phát
8525.60.00	- Thiết bị phát có gắn với thiết bị thu
8525.80	- Camera truyền hình, camera số và camera ghi hình ảnh:
8525.80.10	- - Webcam
	- - Camera ghi hình ảnh:
8525.80.31	- - - Của loại sử dụng cho lĩnh vực phát thanh
8525.80.39	- - - Loại khác
8525.80.40	- - Camera truyền hình
8525.80.50	- - Loại camera kỹ thuật số khác
85.26	**Ra đa, các thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến và các thiết bị điều khiển từ xa bằng vô tuyến**
8526.10	- Rađa:
8526.10.10	- - Ra đa, loại dùng trên mặt đất, hoặc trang bị trên máy bay dân dụng, hoặc chỉ dùng cho tàu thuyền đi biển
8526.10.90	- - Loại khác
	- Loại khác:
8526.91	- - Thiết bị dẫn đường vô tuyến:
8526.91.10	- - - Thiết bị dẫn đường vô tuyến, loại dùng trên máy bay dân dụng, hoặc chuyên dụng cho tàu thuyền đi biển
8526.91.90	- - - Loại khác
8526.92.00	- - Thiết bị điều khiển từ xa bằng sóng vô tuyến
85.27	**Máy thu dùng cho phát thanh sóng vô tuyến, có hoặc không kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc với đồng hồ trong cùng một khối**
	- Máy thu thanh sóng vô tuyến có thể hoạt động không cần dùng nguồn điện ngoài:
8527.12.00	- - Radio cát sét loại bỏ túi

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8527.13	- - Máy khác kết hợp với máy ghi hoặc tái tạo âm thanh:
8527.13.10	- - - Loại xách tay
8527.13.90	- - - Loại khác
8527.19	- - Loại khác:
	- - - Máy thu có chức năng lập sơ đồ, quản lý và giám sát phổ điện từ:
8527.19.11	- - - - Loại xách tay
8527.19.19	- - - - Loại khác
	- - - Loại khác:
8527.19.91	- - - - Loại xách tay
8527.19.99	- - - - Loại khác
	- Máy thu thanh sóng vô tuyến chỉ hoạt động với nguồn điện ngoài, loại dùng cho xe có động cơ:
8527.21.00	- - Kết hợp với máy ghi hoặc tái tạo âm thanh
8527.29.00	- - Loại khác
	- Loại khác:
8527.91	- - Kết hợp với máy ghi hoặc tái tạo âm thanh:
8527.91.10	- - - Loại xách tay
8527.91.90	- - - Loại khác
8527.92	- - Không kết hợp với máy ghi hoặc tái tạo âm thanh nhưng gắn với đồng hồ:
8527.92.10	- - - Loại xách tay
8527.92.90	- - - Loại khác
8527.99	- - Loại khác:
8527.99.10	- - - Loại xách tay
	- - - Loại khác:
8528	**Màn hình và máy chiếu, không gắn với máy thu dùng trong truyền hình; máy thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với máy thu thanh sóng vô tuyến hoặc máy ghi hoặc tái tạo âm thanh**
	- Màn hình sử dụng ống đèn hình tia ca-tốt:
8528.41	- - Loại chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng cho hệ thống xử lý dữ liệu thuộc nhóm 84.71:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8528.41.10	- - - Loại màu
8528.41.20	- - - Loại đơn sắc
8528.49	- - Loại khác:
8528.49.10	- - - Loại màu
8528.49.20	- - - Loại đơn sắc
	- Màn hình khác:
8528.51	- - Loại chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng cho hệ thống xử lý dữ liệu thuộc nhóm 84.71:
8528.51.10	- - - Màn hình dẹt kiểu chiếu hắt
8528.51.20	- - - Loại khác, màu
8528.51.30	- - - Loại khác, đơn sắc
8528.59	- - Loại khác:
8528.59.10	- - - Loại màu
8528.59.20	- - - Loại đơn sắc
	- Máy chiếu:
8528.61	- - Loại chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng cho hệ thống xử lý dữ liệu thuộc nhóm 84.71:
8528.61.10	- - - Kiểu màn hình dẹt
8528.61.90	- - - Loại khác
8528.69	- - Loại khác:
8528.69.10	- - - Công suất chiếu lên màn ảnh từ 300 inch trở lên
	- Máy thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với máy thu thanh sóng vô tuyến hoặc máy ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh:
8528.71	- - Không thiết kế để gắn với thiết bị hiển thị video hoặc màn ảnh:
	- - - Thiết bị chuyển đổi tín hiệu (set top boxes which have a communication function):
8528.71.11	- - - - Hoạt động bằng điện
8528.71.19	- - - - Loại khác
	- - - Loại khác:
8528.71.91	- - - - Hoạt động bằng dòng điện xoay chiều

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8528.71.99	- - - - Loại khác
8528.72	- - Loại khác, màu:
8528.72.10	- - - Hoạt động bằng pin
	- - - Loại khác:
8528.72.91	- - - - Loại sử dụng ống đèn hình tia ca-tốt
8528.72.92	- - - - LCD, LED và kiểu màn hình dẹt khác
8528.72.99	- - - - Loại khác
8528.73.00	- - Loại khác, đơn sắc
85.34	**Mạch in**
8534.00.10	- Một mặt
8534.00.20	- Hai mặt
8534.00.30	- Nhiều lớp
8534.00.90	- Loại khác
85.40	**Đèn điện tử và ống điện tử dùng nhiệt điện tử, ca tốt lạnh hoặc ca tốt quang điện (ví dụ, đèn điện tử và ống đèn chân không hoặc nạp khí hoặc hơi, đèn và ống điện tử chỉnh lưu hồ quang thuỷ ngân, ống điện tử dùng tia âm cực, ống điện tử camera truyền hình)**
	- Ống đèn hình vô tuyến dùng tia âm cực, kể cả ống đèn hình của màn hình video dùng tia âm cực:
8540.11.00	- - Loại màu
8540.12.00	- - Loại đơn sắc
8540.20.00	- Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác
8540.40	- Ống hiển thị dữ liệu/đồ họa, loại màu, với điểm lân quang có bước nhỏ hơn 0,4 mm:
8540.40.10	- - Ống hiển thị dữ liệu/đồ họa, loại màu, của loại dùng cho hàng hóa thuộc nhóm 85.25
8540.40.90	- - Loại khác
8540.60.00	- Ống tia âm cực khác
	- Ống đèn có bước sóng cực ngắn hay ống đèn vi sóng (ví dụ, magnetrons, klytrons, ống đèn sóng lan truyền, carcinotron), trừ ống đèn điều khiển lưới:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8540.71.00	- - Magnetrons
8540.79.00	- - Loại khác
	- Đèn điện tử và ống điện tử khác:
8540.81.00	- - Đèn điện tử hoặc ống điện tử của máy thu hay máy khuếch đại
8540.89.00	- - Loại khác
	- Bộ phận:
8540.91.00	- - Của ống đèn tia âm cực
8540.99	- - Loại khác:
8540.99.10	- - - Của ống đèn có bước sóng cực ngắn
8540.99.90	- - - Loại khác
85.42	**Mạch điện tử tích hợp**
	- Mạch điện tử tích hợp:
8542.31.00	- - Đơn vị xử lý và đơn vị điều khiển, có hoặc không kết hợp với bộ nhớ, bộ chuyển đổi, mạch logic, khuếch đại, đồng hồ và mạch định giờ, hoặc các mạch khác
8542.32.00	- - Thẻ nhớ
8542.33.00	- - Khuếch đại
8542.39.00	- - Loại khác
8542.90.00	- Bộ phận
85.44	**Dây, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng từng sợi, đã hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối**
	- Dây dẫn điện khác, dùng cho điện áp không quá 1.000 V:
8544.42	- - Đã lắp với đầu nối điện:
	- - - Dùng cho viễn thông, điện áp không quá 80 V:
8544.42.11	- - - - Cáp điện thoại, cáp điện báo và cáp chuyển tiếp vô tuyến, ngầm dưới biển
8544.42.19	- - - - Loại khác:
8544.42.21	- - - - Cáp điện thoại, điện báo, cáp chuyển tiếp vô tuyến, ngầm dưới biển

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8544.42.22	- - - - Cáp điện thoại, điện báo, cáp chuyển tiếp vô tuyến, loại khác
8544.49	- - Loại khác:
	- - - Dùng cho viễn thông, điện áp không quá 80 V:
8544.49.11 .	- - - - Cáp điện thoại, cáp điện báo và cáp chuyển tiếp vô tuyến, ngầm dưới biển
8544.49.19	- - - - Loại khác:
	- - - Dùng cho viễn thông, điện áp trên 80 V nhưng không quá 1.000 V:
8544.49.31	- - - - Cáp điện thoại, cáp điện báo và cáp dùng cho trạm chuyển tiếp sóng vô tuyến, ngầm dưới biển
8544.49.39	- - - - Loại khác:
8544.70	- Cáp sợi quang:
8544.70.10	- - Cáp điện thoại, cáp điện báo và cáp chuyển tiếp vô tuyến, ngầm dưới biển

*** Ghi chú:** Máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại di động thông minh (smart phone) và màn hình, máy thu hình IP, dạng LED/OLED có thời hạn kể từ ngày sản xuất đến ngày mở Tờ khai Hải quan không quá 01 năm.

Phụ lục số 02

MẪU BÁO CÁO SỐ LƯỢNG NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG NHẬP KHẨU ĐỂ LÀM DỊCH VỤ SỬA CHỮA, LÀM MỚI, SẢN XUẤT LÀM MỚI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BTTTT ngày 17/7/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

BÁO CÁO NHẬP KHẨU THEO TỜ KHAI HẢI QUAN

Tên doanh nghiệp: **Địa chỉ:**

Mã số doanh nghiệp:

Ngày bắt đầu Ngày kết thúc

STT	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Tờ khai nhập khẩu số, ngày	Số lượng	Trị giá
TỔNG CỘNG						

BÁO CÁO XUẤT KHẨU THEO TỜ KHAI

STT	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Tờ khai xuất khẩu số, ngày…	Số lượng	Trị giá
TỔNG CỘNG						

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 03

MẪU BÁO CÁO SỐ LƯỢNG NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU, PHÂN PHỐI TRONG NƯỚC HỘP MỰC IN ĐÃ QUA SỬ DỤNG SAU KHI SỬA CHỮA, LÀM MỚI HOẶC SẢN XUẤT LÀM MỚI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BTTTT ngày 17/7/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

BÁO CÁO NHẬP KHẨU THEO TỜ KHAI HẢI QUAN

Tên doanh nghiệp: **Địa chỉ:**

Mã số doanh nghiệp:

Ngày bắt đầu Ngày kết thúc

STT	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Tờ khai nhập khẩu số, ngày…	Số lượng	Trị giá

BÁO CÁO XUẤT KHẨU THEO TỜ KHAI HẢI QUAN

STT	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Tờ khai xuất khẩu số, ngày…	Số lượng	Trị giá

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG PHÂN PHỐI TRONG NƯỚC

STT	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Số Hóa đơn, Hợp đồng	Số lượng	Trị giá

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)